

# Âm Dương Kỳ Môn

## Độn Giáp

**Biên soạn: Huỳnh Trung Thuận**

**Cố vấn: Truy Mộng Lão Giả**

**Tập 1: Dương bàn**

# **DẪN NHẬP**

Thiên tàng kỳ bí  
Tâm lộ khai thông  
Ngộ bất tương cầu  
Tính vị chi thượng  
Chân vi chi tính  
Nhân tính chi sự

Kỳ Môn Độn Giáp là một môn thuật số ứng dụng Dịch học vào việc dự đoán. Từ xưa được ứng dụng nhiều trong quân sự, dân sự, xã hội hóa. Nhưng để ứng dụng vào thực tiễn cần có những hiểu biết nhất định về nó. Xuất phát từ nhu cầu đó, cuốn Âm Dương Kỳ Môn ra đời nhằm bổ sung thêm cho độc giả những kiến thức mới về môn thuật số này.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi sai sót. Mong nhận được những góp ý chân thành từ độc giả.

Chúc độc giả vạn sự tốt lành.

**Sài Gòn, ngày 2 tháng 9 năm 2019**  
**Huỳnh Trung Thuận**

# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1: DƯƠNG BÀN KỶ MÔN ĐỘN GIÁP .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUÁT VỀ KỶ MÔN ĐỘN GIÁP .....</b>	<b>2</b>
<b>CHƯƠNG 2: CÁCH ĐỊNH CỤC TRONG KỶ MÔN .....</b>	<b>7</b>
24 tiết khí và âm dương độm .....	7
Siêu thân tiếp khí và trí nhuần .....	9
Cách lập bàn kỳ môn .....	12
<b>CHƯƠNG 3: KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ KỶ MÔN ĐỘN GIÁP .....</b>	<b>20</b>
<b>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH VÀ PHÁN ĐOÁN TRONG KỶ MÔN .....</b>	<b>40</b>
Phần 1: Đặc trưng chủ yếu của các dụng thần .....	41
Phần 2: Phương pháp định ứng kỳ .....	47
<b>CHƯƠNG 5: CÁCH CỤC TRONG KỶ MÔN .....</b>	<b>54</b>
Phần 1: Khắc ứng của 10 can .....	54
Phần 2: Bát môn, tam kỳ lục nghi tính ứng .....	66
Phần 3: Các cách cát hung khác thường dùng .....	73
<b>CHƯƠNG 6: PHÂN LOẠI DỤNG THẦN TRONG KỶ MÔN .....</b>	<b>84</b>
Phần 1: Xem bệnh tật .....	84
Phần 2: Xem hôn nhân .....	87
Phần 3: Xem mang thai sinh nở .....	88
Phần 4: Xem việc học, thi cử, thi đấu, bái sư học nghệ .....	89
Phần 5: Xem công tác nghề nghiệp .....	91
Phần 6: Xem kinh doanh cầu tài .....	93
Phần 7: Xem xuất ngoại .....	97
Phần 8: Xem người đi mất .....	99
Phần 9: Xem mất tiền .....	100
Phần 10: Xem việc kiện tụng hình sự .....	101
Phần 11: Xem kiện tụng tại tòa .....	103
Phần 12: Xem khí tượng trời đất .....	104
Phần 13: Xem về hoàn cảnh địa lí (phong thủy): .....	106
Phần 14: Xem cuộc sống của một người mình gặp: .....	106
<b>CHƯƠNG 7: ĐƯA RA QUYẾT SÁCH SAU KHI DỰ ĐOÁN .....</b>	<b>108</b>
<b>CHƯƠNG 8: CÁC SỰ VẬT HIỆN ĐẠI THEO BÁT QUÁI .....</b>	<b>111</b>
<b>CHƯƠNG 9: TINH NGHĨ THẦN LOẠI TƯỢNG TRONG KỶ MÔN .....</b>	<b>128</b>
Bát môn .....	128
Bát thần .....	137
Cửu tinh .....	137
Kỳ nghi .....	146
<b>CHƯƠNG 10: CHUYÊN ĐỀ CAO CẤP VỀ DỰ TRẮC .....</b>	<b>152</b>
Kỳ môn trong cạnh tranh kinh doanh .....	152

Nói về kì môn và phong thủy.....	168
Ba, giảng về kì môn và tứ trụ (thượng).....	187
Bốn, giảng kì môn với tứ trụ (hạ).....	200
Năm, kì môn trong việc chọn ngày lành tháng tốt.....	209
Sáu, kì môn cùng cổ phiếu.....	223
<b>CHƯƠNG 11: NIÊN, NGUYỆT, NHẬT GIA KÌ MÔN .....</b>	<b>231</b>
<b>HỎI ĐÁP VỀ KỶ MÔN ĐỘN GIÁP .....</b>	<b>240</b>



# PHẦN 1: DƯƠNG BẢN

## CHƯƠNG 1: TỔNG QUÁT VỀ KÌ MÔN ĐỘN GIÁP

### 1. Quy tắc bài cục cơ bản

Thời gian: 24/4/2007 lúc 10h33 phút

Âm lịch: Giờ tị ngày 8/3 năm Đinh Hợi

Can chi: Đinh Tị, Mậu Tí, Giáp Thìn, Đinh Hợi

Tuần không: Ngọ, Mùi, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Tí, Sửu.

Thanh minh: 5/4/2007 12h27 phút

Cốc vũ: 20/4/2007 19h40 phút

Bản tiết khí thượng nguyên thứ nhất: 15/4/2007 ngày Kì Mão

Cốc vũ: trung nguyên 5 thiên Đinh Tị, thời tuần thủ Quý dương độn nhị cục, trực phù Thiên trụ lạc cung số 8, trực sử kinh môn lạc cung số 1.

Thái âm	Lục hợp		Bạch hổ
Sinh môn Ất	Thương môn	Đinh	Đỗ môn Kì
Thiên Bồng Canh	Thiên nhâm	Bính	Thiên xung Mậu
Đằng xà			Huyền vũ
Hưu môn Nhâm			Cánh môn Canh
Thiên tâm Kì	Tân		Thiên phụ Quý
Trực phù	Cửu thiên		Cửu địa
Khai môn Quý	(Tân)Kinh môn	Mậu	Tử môn Bính
Thiên trụ Đinh	(Thiên cảm)Thiên nhuế	Ất	Thiên anh Nhâm

### 2. Số trong cửu cung và phương vị

Bổ sung thêm kiến thức để dễ hiểu hơn về lí giải bát quái. Cửu cung của kì môn dùng số của hậu thiên bát quái để hoà vào phương vị.

4 Tốn 3458	Đông nam	9 Ly 2379	Nam	2 Khôn 258-10	Tây nam
3 Chấn 348	Đông	5 trung 5-10		7 Đoài 2479	Tây
8 Cấn 578-10	Đông bắc	1 Khảm 16	Bắc	6 Càn 1469	Tây bắc

### 3. Cửu cung của kì môn với địa chi

4 Tốn Thìn, Tị	Đông nam	9 Ly Ngọ	Nam	2 Khôn Mùi, Thân	Tây nam
3 Chấn Mão	Đông			7 Đoài Dậu	Tây
8 Cấn Sửu, Dần	Đông bắc	1 Khảm Tí	Bắc	6 Càn Tuất, Hợi	Tây bắc

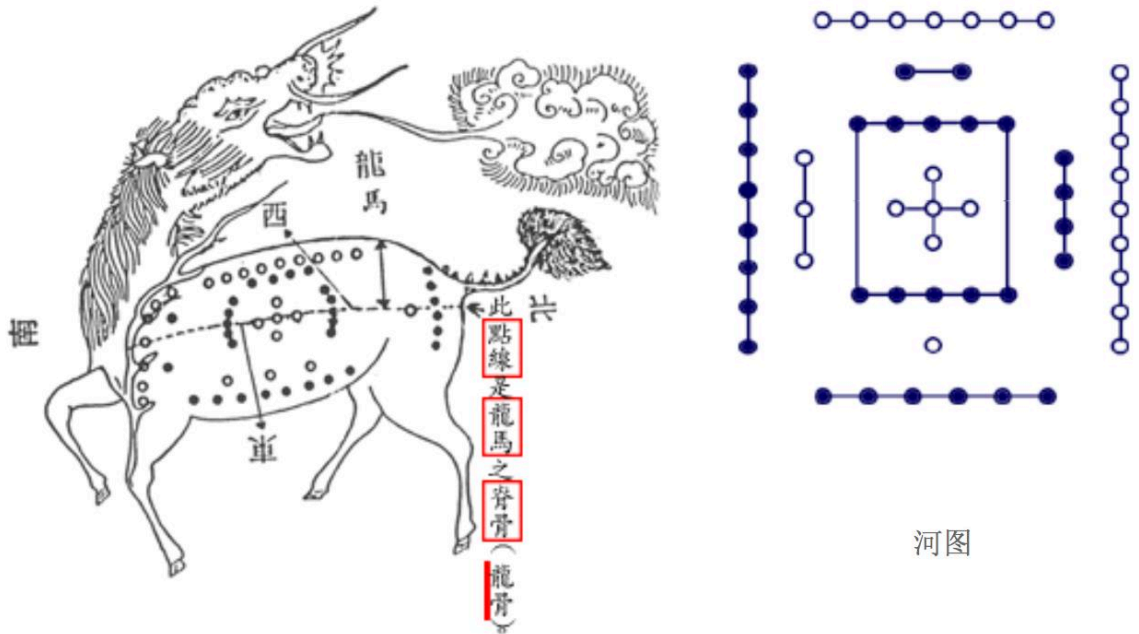
### 4. Nguồn gốc sâu xa:

Hà đồ và lạc thư

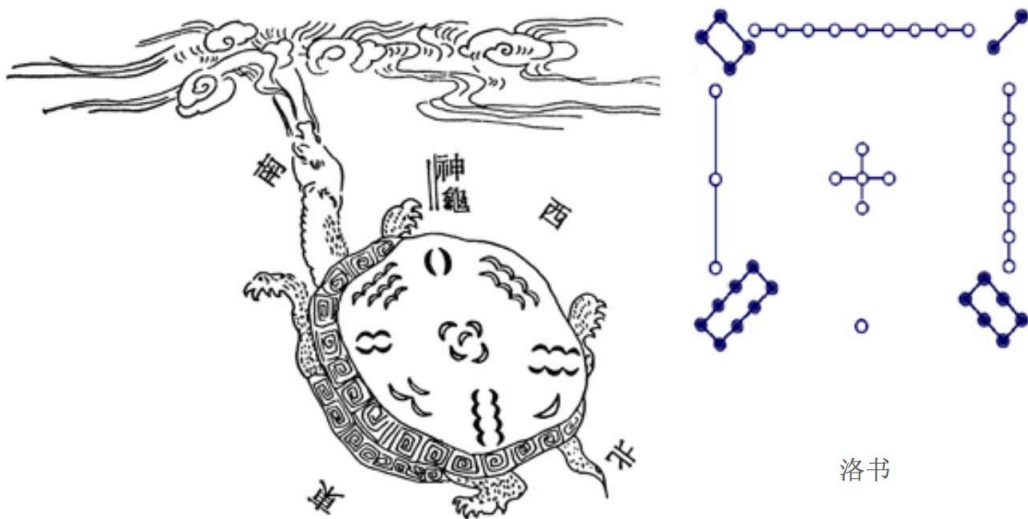
Phục Hi nhìn thấy cái hình trên con long mã ở sông hoàng hà. Trên người có vài cái chấm, ông ghi chép lại thành hà đồ.



Lạc thư của Đại Vũ: Đại Vũ trị thủy thấy con rùa ngoi lên, trên mai có cái hình, ông chép lại thành lạc thư.



Hình long mã và hà đồ



Hình long quy và lạc thư

Hà đồ ngũ hành số:

- 1, 6 phương bắc, thủy
- 2, 7 phương nam, hoả
- 3, 8 phương đông, mộc
- 4, 9 phương tây, kim
- 5, 10 trung cung, thổ

Tiên thiên bát quái trong hệ nhị phân: Càn = 111, Đoài = 110, Ly = 101, Chấn = 100, Tốn = 011, Khảm = 010, Cấn = 001, Khôn = 000.

Số trong tiên thiên bát quái: Càn 1, Đoài 2, Ly 3, Chấn 4, Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8.

Số trong Văn Vương hậu thiên bát quái: Khảm 1, Khôn 2, Chấn 3, Tốn 4, Trung 5, Càn 6, Đoài 7, Cấn 8, Ly 9.



Bảng địa chi phối với thời gian:

Địa chi	Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tị	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Ngũ hành	Thủy	Thổ	Mộc	Mộc	Thổ	Hoả	Hoả	Thổ	Kim	Kim	Thổ	Thủy
Âm dương	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm
Thời gian	23-1h	1-3h	4-5h	5-7h	7-9h	9-11h	11-13h	13-15h	15-17h	17-19h	19-21h	21-23h
Tháng	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số thứ tự	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Bảng thiên can ngũ hành và số:

Thiên can	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỉ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Ngũ hành	Mộc		Hoả		Thổ		Kim		Thủy	
Số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Bảng về số trong bát quái

Tên quẻ	Càn	Đoài	Ly	Chấn	Tốn	Khảm	Cấn	Khôn
Ngũ hành	Kim	Kim	Hoả	Mộc	Mộc	Thủy	Thổ	Thổ
Số thứ tự	1	2	3	4	5	6	7	8
Tượng quẻ	Thiên	Trạch	Hoả	Lôi	Phong	Thủy	Sơn	Địa
Tên xưng	Tam liên	Thượng khuyết	Trung hư	Ngưỡng bồn	Hạ đoạn	Trung mãn	Phúc uyển	Lục đoạn

## CHƯƠNG 2: CÁCH ĐỊNH CỤC TRONG KÌ MÔN

### 1. 24 tiết khí và âm dương độ.

Thời cổ đại chia 24 giờ thành 12 canh giờ và đưa vào 12 con giáp là Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi, mỗi con giáp chiếm 2 giờ. Kỳ môn thời gia thì cứ mỗi canh giờ sẽ có một cách cục khác nhau, theo như lịch kỳ môn, mỗi năm được tính từ ngày đầu thượng nguyên đông chí năm này đến ngày đầu thượng nguyên đông chí năm sau. Mỗi tiết khí chiếm 15 ngày, tổng cộng 24 tiết khí, vậy 1 năm có 360 ngày theo lịch kỳ môn. Mỗi ngày có 12 canh giờ, mỗi giờ có 1 cách cục khác nhau, ta làm 1 phép toán cơ bản thì  $12 \times 360 = 4320$ , tổng cộng có 4320 cách cục. Tổng cộng lại thì có 4320 cục, nhưng thực tế thì sẽ có một số cách cục trùng với nhau và lặp lại 4 lần. Ví dụ như dương độ nhất cục, ta có thượng nguyên đông chí, thượng nguyên kinh trập, trung nguyên thanh minh, trung nguyên lập hạ, ta thấy 4 cái này đều giống nhau, đều là dương độ 1 cục. Lấy 4 nguyên này cộng lại ta được 20 ngày. Nhưng nói đến lập cục trong kỳ môn thời gia, mỗi giờ lại có một cách cục khác, ta lấy 12 giờ  $\times$  20 ngày = 240 cách cục, chia cho 4 lần trùng nhau  $240/4 = 60$  cách cục. Với 240 cách cục, kết hợp thêm thiên can và địa chi từ Giáp Tí tới Quý Hợi là 60 can chi. Dương độ cách cục như thế, các cách cục khác cũng vậy, đều lặp lại 4 lần. Với 1 năm có 360 ngày, phối với 12 giờ thì ra 4320 cách cục, mà trong đó mỗi cục được lặp lại 4 lần, thế thì cả năm có  $4320/4 = 1080$  cục. Truyền thuyết ngày xưa Hoàng Đế sai Phong Hậu lập thành 1080 cục. Sau đó Khương Tử Nha đơn giản hoá 1080 cục thành 72 cục. Cách bày thành 72 cục cũng không khó hiểu, bởi vì có 24 tiết khí, mỗi tiết khí chiếm 15 ngày. Từ 15 ngày ấy chia thành 3 phần là thượng, trung, hạ nguyên và mỗi nguyên chiếm 5 ngày. Mỗi tiết có 3 nguyên, có 24 tiết khí, ta có  $3 \times 24 = 72$ .

Có 1080 cục nhưng không phải cứ cục nào lại dùng cục đó để lập bàn, vì mỗi bàn nó có thời gian khác nhau từ Giáp Tí đến Quý Hợi để lập bàn, thế thì lấy

$1080/60=18$ , vậy ta có 18 bàn kì môn cơ bản để theo các thời gian khác nhau để lập ra cách cục. Trong 18 cục cơ bản này sẽ có 9 cục âm độn và 9 cục dương độn.

Tuy gọi là thời gia kì môn, nhưng nó không chú ý đến ngày vì mỗi can ngày khác nhau sẽ có can giờ khác nhau. Như ngày Giáp, ngày Kì là giờ Giáp Tí; ngày Ất, ngày Canh là giờ Bính Tí. Cho nên mỗi canh giờ định mấy cục thì phải xem tiết khí để biết, vì nhìn giờ để biết ngày nào và từ ngày để xem thuộc thượng nguyên, trung nguyên hay hạ nguyên.

Từ tổng quát ta thấy, từ Đông chí đến mang chủng là dương độn, từ Hạ chí đến Đại tuyết là âm độn. Dưới đây là cục số ứng với tiết khí:

**Dương độn:**

Đông chí, Kinh trập 1 7 4; Tiểu hàn 2 8 5,  
 Đại hàn, Xuân phân 3 9 6; Vũ thủy 9 6 3,  
 Thanh minh, Lập hạ 4 1 7; Lập xuân 8 5 2,  
 Cốc vũ, Tiểu mãn 5 2 8; Mang chủng 6 3 9.

**Âm độn:**

Hạ chí, Bạch lộ 9 3 6; Tiểu thử 8 2 5,  
 Đại thử, Thu phân 7 1 4; Lập thu 2 5 8,  
 Hàn lộ, Lập đông 6 9 3; Xử thử 1 4 7,  
 Sương giáng, tiểu tuyết 5 8 2; Đại tuyết 4 7 1.

Ở trên ta thấy Đông chí và Kinh trập thượng nguyên dương độn 1 cục, trung nguyên là dương độn 7 cục, hạ nguyên dương độn 4 cục; Các cái khác cũng tương tự vậy.

Xem hậu thiên bát quái, lạc thư, 24 tiết khí kết hợp lại với nhau, mỗi tiết khí thuộc nguyên nào thì sẽ lập lên cục số đó. 24 tiết khí chia làm 2 cục âm dương,

mỗi phần sẽ chiếm 4 cung như các số trong lạc thư vậy. Đông chí cung khảm số 1, Lập xuân cung cấn số 8, Xuân phân cung chấn số 3, Lập hạ cung tốn số 4, Hạ chí cung ly số 9, Lập thu cung khôn số 2, Thu phân cung đoài số 7, Lập đông cung càn số 6. Từ những con số trong bát quái ta có thể thấy rằng đó là số của lạc thư, Đông chí thượng nguyên dương độ 1 cục, Lập xuân thượng nguyên dương độ 8 cục, Hạ chí thượng nguyên âm độ 9 cục, mấy cái kia tương tự.

Đây là 8 tiết khí ở trong mỗi cung, ngoài ra sau các tiết khí đó còn có 2 tiết khí khác cũng có đếm theo lần lượt từ thượng nguyên đến hạ nguyên. Đếm theo dương thuận âm nghịch theo quy luật như sau. Như Đông chí thượng nguyên là dương độ 1 cục, tiếp theo Đông chí đó là Tiểu hàn và Đại hàn và cũng theo cấu trúc y chang thế. Tiểu hàn thượng nguyên dương độ 2 cục, Đại hàn thượng nguyên dương độ 3 cục. Các cái khác tương tự.

Trong kì môn độ giáp phân 5 ngày 1 cục. Why??? Cơ bản vì mỗi ngày có 12 canh giờ, bắt đầu từ giờ Tí và kết thúc ở giờ Hợi, cái này thì ngày nào nó cũng giống nhau. Nhưng mỗi ngày sẽ có một thiên can giờ khác nhau. Như ngày hôm qua là giờ Giáp Tí, thì hôm nay giờ tí sẽ là giờ Bính Tí, vì vòng thiên can thứ 2 đã bắt đầu từ giờ Tuất. Như vậy mỗi ngày 12 giờ, 5 ngày là sẽ có 60 giờ là hoàn thành 1 vòng lục thập hoa giáp. Đến ngày thứ 6 thì lại quay về ban đầu, đó là lí do 5 ngày 1 nguyên.

## 2. Siêu thần tiếp khí và trí nhuận.

Ban đầu nói rằng dương độ và âm độ thì đếm theo tiết khí, nhưng khi định cục thì không biết bắt đầu từ đâu. Mỗi ngày đều có can chi khác nhau. Vậy thì làm sao để biết thiên can địa chi ngày nào để định cục?

Đầu tiên ta sẽ nói về thiên can của ngày.

Cứ 5 ngày là 1 cục, ngày đầu tiên của mỗi cục là ngày Giáp hoặc ngày Kỉ. Can Giáp đứng đầu trong thiên can dùng để định cục. Bắt đầu từ ngày Giáp ta đếm

Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu và ta có 5 ngày là 1 nguyên. Từ đó, ta đếm tiếp 5 ngày tiếp theo là Kì, Canh, Tân, Nhâm, Quý và ta có 5 ngày và là 1 nguyên. Xong cứ thế ta đếm theo tiếp tục dựa vào quy tắc đó.

Nói chuyện về địa chi của ngày.

Mỗi tiết khí thì có 3 nguyên thì 1 ngày có 12 địa chi cũng có quy luật. Như ta đã nói ở quy luật trước, ta sẽ nói về vấn đề của 12 địa chi. Chúng ta biết rằng 12 địa chi là 12 con giáp, 1 năm cũng được chia thành 12 tháng cho nên mỗi địa chi là 1 tháng hay còn gọi là nguyệt kiến. Tháng giêng âm lịch là tháng dần, sau tháng giêng là từ tháng 2 âm lịch đến tháng 12 âm lịch được đặt theo thứ tự là mao, thìn, tị, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi, tí, sửu. Nếu ta đem 12 tháng này chia theo mùa thì cứ 3 tháng là thành 1 mùa. Như tháng dần, mao, thìn là mùa xuân, các mùa khác cũng tương tự vậy. Trong mỗi mùa, tháng đầu tiên gọi là “mạnh”, tháng thứ 2 là “trọng” và tháng cuối cùng là “Quý”. Nên đó là lí do gọi dần thân tị hợi là tứ mạnh, tí ngọ mao dậu là tứ trọng, thìn tuất sửu mùi là tứ quý.

Bây giờ ta sẽ nói chuyện về việc bài cục mỗi nguyên của tiết khí và các quy tắc về thiên can địa chi của mỗi nguyên. Dù cho tiết khí nào thì thượng nguyên luôn bắt đầu từ tứ trọng, luôn luôn là tí, ngọ, mao, dậu; trung nguyên bắt đầu từ tứ mạnh, luôn luôn là dần, thân, tị, hợi; hạ nguyên luôn bắt đầu ở tứ quý, luôn luôn là thìn, tuất, sửu, mùi.

Tổng hợp từ 2 vấn đề trên ta có kết quả thế này, mỗi tiết khí nào cũng có 3 nguyên là thượng nguyên, trung nguyên và hạ nguyên và có một quy luật: thượng nguyên của mỗi tiết khí là giáp tí hoặc giáp ngọ, tiếp theo là kị mao hoặc kị dậu; trung nguyên bắt đầu bằng giáp thân hoặc giáp dần, tiếp theo là kị tị hoặc kị hợi; hạ nguyên bắt đầu bằng giáp thìn hoặc giáp tuất, tiếp theo là kị sửu hoặc kị mùi.

Cho nên muốn phán đoán ngày đó thuộc cục nào thì phải xem ngày đó thuộc nguyên nào của tiết khí. Tổng quát mà nói, từ đông chí đến mang chủng là dương

độn, từ hạ chí cho đến khi quay lại vòng ban đầu là âm độn. Nói nhỏ hơn, muốn xác định đó thuộc âm độn hay dương độn thì ta xem ngày đó thuộc nguyên nào của tiết khí nào, từ đó ta sẽ biết được nó là âm độn hay dương độn.

Ngày giao tiết khí không phải lúc nào cũng trùng ngay ngày đầu của thượng nguyên. Tiết khí có lúc đến trước ngày đầu thượng nguyên, có khi đến sau ngày đầu thượng nguyên, có một vài trường hợp sẽ rơi đúng vào ngày đầu thượng nguyên. Ngày đầu thượng nguyên của mỗi tiết khí được gọi là “Phù đầu”. Thượng nguyên tiết khí đến trước còn tiết khí đến sau hay còn gọi là phù đầu đến mà tiết khí chưa đến thì được gọi là “Siêu thân”. Tiết khí đã đến mà thượng nguyên chưa đến hay còn gọi là tiết khí tới mà phù đầu chưa tới thì gọi là “Tiếp khí”. Còn thượng nguyên đến cùng lúc với tiết khí hay phù đầu đi cùng với tiết khí thì gọi là “Chính thụ”.

Vấn đề “Siêu thân” lúc bắt đầu thì phù đầu chỉ vượt tiết khí 1 2 ngày, sau này càng nhiều, tới mức vượt quá 9 ngày thì phải đặt nhuận chính là lặp lại 1 tiết khí thêm 1 lần nữa. Như tại mạng chủng trí nhuận, tam nguyên thượng trung hạ của mang chủng là 6 3 9, tại hạ nguyên 9 cục của mang chủng, tiếp theo ngày cuối cùng (đó là ngày thứ 5 của hạ nguyên mang chủng), ta sẽ lặp lại tiết khí đó một lần nữa, dương độn 6 3 9 rồi sau đó mới tiếp tục hạ chí âm độn 9 cục. Việc lặp lại 3 nguyên của 1 tiết khí gọi là “Nhuận kì”.

Có một điều ta cần phải chú ý là không phải tiết khí nào cũng có thể lặp lại được. Chỉ có 2 tiết khí được lặp lại là mang chủng và đại tuyết. Nếu không phải ở 2 tiết khí này, cho dù nó lệch bao nhiêu ngày cũng không đặt nhuận. Tại sao lại là 2 tiết khí này là nơi giao giữa dương độn và âm độn. Dương độn bắt đầu từ đông chí, âm độn bắt đầu từ hạ chí và ở trước 2 tiết khí này ta sẽ đặt nhuận, chính ở những chỗ giao dương độn và âm độn sẽ điều chỉnh lại phù đầu. Khiến cho phù đầu đi đúng vị trí và không dễ đi lệch quá nhiều.



MẬU	KỶ	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ
<b>Giáp Tí</b>	Giáp Tuất	<u>Giáp Thân</u>	<b>Giáp Ngọ</b>	Giáp Thìn	<u>Giáp Dần</u>
Át Sửu	Át Hợi	<u>Át Dậu</u>	Át Mùi	Át Tị	<u>Át Mão</u>
Bính Dần	Bính Tí	<u>Bính Tuất</u>	Bính Thân	Bính Ngọ	<u>Bính Thìn</u>
Đinh Mão	Đinh Sửu	<u>Đinh Hợi</u>	Đinh Dậu	Đinh Mùi	<u>Đinh Tị</u>
Mậu Thìn	Mậu Dần	<u>Mậu Tí</u>	Mậu Tuất	Mậu Thân	<u>Mậu Ngọ</u>
<u>Kỷ Tị</u>	<b>Kỷ Mão</b>	Kỷ Sửu	<u>Kỷ Hợi</u>	<b>Kỷ Dậu</b>	Kỷ Mùi
<u>Canh Ngọ</u>	Canh Thìn	Canh Dần	<u>Canh Tí</u>	Canh Tuất	Canh Thân
<u>Tân Mùi</u>	Tân Tị	Tân Mão	<u>Tân Sửu</u>	Tân Hợi	Tân Dậu
<u>Nhâm Thân</u>	Nhâm Ngọ	Nhâm Thìn	<u>Nhâm Dần</u>	Nhâm Tí	Nhâm Tuất
<u>Quý Dậu</u>	Quý Mùi	Quý Tị	<u>Quý Mão</u>	Quý Sửu	Quý Hợi

Thượng nguyên: xám

Trung nguyên: gạch chân

Hạ nguyên: trắng.

### 3. Cách lập bàn kì môn.

Đi gặp cao nhân giảng giải về cách lập bàn kì môn, đó là lão sư Trương Chí Xuân tại Thành Kì Chi Môn để được chỉ dẫn. Tuy nhiên, muốn ứng dụng được kì môn không phải là dễ, thường làm phần này lại quên phần khác nên cố gắng dùng giấy khời cục thì tốt hơn. Nhưng có một số trường hợp thì không thể dùng giấy, như khi đang đi trên đường gặp một cô gái xinh đẹp nào đó hay một chàng điển trai nào đấy, muốn xem để biết có thể theo đuổi được hay không, lúc đó chỉ có thể dùng tay bấm độn để xem, bấm độn nửa ngày thì mọi chuyện cũng xong cả rồi. Ha